

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000249

Trang : 1/2

Môn học: Công nghệ sau thu hoạch (230125) - Nhóm 01

Đợt thi: HK3 2021-2022

Tổ: 001

Ngày thi: 26/08/2022

Giờ: 09:45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 33...

Số bài thi: 33.....

Số tờ giấy thi: 33.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G. Viên chấm thi 1	G. Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120210082	TRƯƠNG NGỌC LAN	06/12/2000	CCQ2021C		333		7.2	5.0	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	2120210081	VÕ ĐÌNH	02/04/2002	CCQ2021C		444		7.6	3.6	5.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	2120210001	ĐOÀN THỊ THÚY	06/08/2002	CCQ2021A		222		7.6	6.2	6.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	2120210036	NGUYỄN NGỌC	17/10/2002	CCQ2021B		111		8.1	5.6	6.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	2120130060	NGUYỄN VĂN	17/05/2002	CCQ2021C		333		8.4	5.2	6.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	2120210037	MAI NHẬT	18/07/2002	CCQ2021B		444		7.1	3.0	4.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	2120210038	BÙI THỊ CẨM	22/10/2002	CCQ2021B		999		7.9	4.4	5.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	2120210085	NGUYỄN THỊ KIM	23/12/2002	CCQ2021C		111		7.0	3.0	4.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	2120210086	ĐÀM THỊ DANH	05/08/2001	CCQ2021C		333		7.5	7.6	7.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	2120210040	PHAN LÂM MỸ	13/10/2002	CCQ2021B		444		7.9	4.6	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	2120210041	ĐOÀN NGỌC	09/10/2002	CCQ2021B		222		6.9	5.8	6.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	2120210072	TRẦN THỊ THANH	18/03/2002	CCQ2021C		111		5.5	3.6	4.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	2120210099	NGUYỄN THỊ THANH	05/01/2002	CCQ2021B		333		7.6	8.4	8.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	2120210100	NGUYỄN THỊ THANH	01/10/2002	CCQ2021B		444		8.5	4.2	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	2120210005	PHẠM SÙNG	09/05/2002	CCQ2021A		222		6.1	6.0	6.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	2120210103	CHẾ THỊ THÚY	09/03/2002	CCQ2021C		111		6.3	3.4	4.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	2120210044	NGUYỄN THỊ THÚY	20/10/2001	CCQ2021B		333		8.2	4.8	6.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	2120210008	NGUYỄN THỊ NGỌC	18/11/2002	CCQ2021A		444		8.4	6.4	7.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	2120210009	THẬP THỊ SA	08/03/2002	CCQ2021A		222		8.6	4.0	5.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	2120210073	NGUYỄN THỊ KIM	21/08/2002	CCQ2021C		111		6.0	4.8	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Công nghệ sau thu hoạch (230125) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **001**

Ngày thi: **26/08/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D5-26**

Mã nhận dạng: **000249**

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G. Viên chấm thi 1 	G. Viên chấm thi 2
----------------------	----------------------	------------------------	------------------------

Số SV có mặt: **33**....

Số bài thi: **33**....

Số tờ giấy thi: **33**....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120210012	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	08/12/2002	CCQ2021A		333		8.0	4.0	5.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2120210013	ĐINH ANH LỘC	13/04/2002	CCQ2021A		444		7.0	4.8	5.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2120210015	HOÀNG THỊ HIỀN LƯƠNG	12/07/2002	CCQ2021A		222		7.8	3.2	5.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2120210046	NGUYỄN THỊ DIỄM MY	22/06/2002	CCQ2021B		111		7.9	3.2	5.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2120210017	LÊ CÔNG NGHĨA	25/07/2002	CCQ2021A		333		7.8	4.4	5.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2120210018	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	14/10/2002	CCQ2021A		444		7.1	6.2	6.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2120210019	TRẦN THỊ KIM NGỌC	01/01/2002	CCQ2021A		222		7.9	5.2	6.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	2120210022	ĐỖ YẾN NHI	18/06/2002	CCQ2021A		111		7.7	4.8	6.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	2120210021	MAI THỊ TUYẾT NHI	20/04/2002	CCQ2021A		333		7.3	3.6	5.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	2120210051	NGÔ THỊ YẾN NHI	21/01/2002	CCQ2021B		444		7.9	4.6	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	2120210024	CHÂU PHƯƠNG NHUNG	07/05/2002	CCQ2021A		222		8.6	2.8	5.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	2120210088	NGUYỄN THỊ NHUNG	19/05/2002	CCQ2021C		111		7.8	3.6	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	2120210023	NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG	05/11/2002	CCQ2021A		333		7.3	6.0	6.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000250

Trang : 1/2

Môn học: Công nghệ sau thu hoạch (230125) - Nhóm 01

Đợt thi: HK3 2021-2022

Tổ: 002

Ngày thi: 26/08/2022

Giờ: 09:45

Phòng thi: 0104

Số SV có mặt: 32
Số bài thi: 32
Số tờ giấy thi: 32

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G. Viên chấm thi 1	G. Viên chấm thi 2
N.v. Biên Pq Thị Nhơn		Nguyễn Thị Thảo Vân	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120210075	TRẦN THỊ KIM	01/08/2002	CCQ2021C		883		7.1	3.6	5.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	2120170158	HUỖNH THANH	19/07/2002	CCQ2021C		822		8.0	4.4	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
3	2120210025	NGUYỄN THỊ MINH	18/08/2002	CCQ2021A		111		8.0	5.4	6.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	2120210055	NGUYỄN THỊ THU	16/08/2002	CCQ2021B		533		7.1	3.0	4.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	2120210056	PHẠM THỊ	28/12/2002	CCQ2021B		444		7.6	3.4	5.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	2120210076	NGUYỄN THỊ THU	28/07/2002	CCQ2021C		222		6.3	5.6	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
7	2120210027	NGUYỄN THỊ THÙY	04/01/2002	CCQ2021A		111		7.4	7.0	7.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	2120110024	HỒ QUỐC	22/08/2002	CCQ2021C				8.0			(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	2120240163	TỔ THU	10/02/2002	CCQ2021C		111		7.8	4.4	5.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	2120210028	PHAN NHẬT	01/01/2002	CCQ2021A		222		8.0	5.8	6.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	2120210029	NGUYỄN PHƯƠNG	09/08/2001	CCQ2021A		111		8.4	7.6	7.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
12	2120210089	TRẦN DƯƠNG	27/07/2002	CCQ2021C		333		8.2	5.2	6.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	2120210059	HUỖNH HỒNG	15/10/2002	CCQ2021B		444		6.4	8.0	7.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	2120210060	LÊ THỊ HỒNG	30/04/2002	CCQ2021B		222		7.8	8.6	8.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	2120210062	TRẦN NGỌC	26/05/2002	CCQ2021B		111		7.0	3.6	5.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	2120210079	TRẦN THỊ THU	26/07/2002	CCQ2021C		333		7.5	6.0	6.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	2120210030	DƯ THỊ THU	29/06/2002	CCQ2021A		444		7.8	5.6	6.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	2120210090	VÕ THỊ THANH	23/11/2002	CCQ2021C		222		7.3	4.8	5.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	2120210078	ĐỖ VĂN	14/01/2002	CCQ2021C		111		7.8	5.4	6.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	2120210091	NGUYỄN THỊ MINH	09/12/2002	CCQ2021C		333		8.3	5.2	6.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000250

Trang : 2/2

Môn học: Công nghệ sau thu hoạch (230125) - Nhóm 01

Đợt thi: HK3 2021-2022

Tổ: 002

Ngày thi: 26/08/2022

Giờ: 09:45

Phòng thi: D4-22

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G. Viên chấm thi 1	G. Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120210092	LÊ THỊ OANH	27/09/2001	CCQ2021C		111		8.3	6.8	7.4	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
22	2120210064	NGUYỄN THỊ XUÂN	04/04/2002	CCQ2021B		222		7.4	5.0	6.0	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
23	2120210031	NGUYỄN NGỌC	10/07/2002	CCQ2021A		111		7.8	6.6	7.1	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
24	2120210068	LÊ NGUYỄN THANH	09/10/2002	CCQ2021B		333		8.1	6.8	7.3	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
25	2120210067	TRẦN TIẾN	08/03/2001	CCQ2021B		444		8.2	5.2	6.4	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
26	2120240173	LÊ THỊ CẨM	22/03/2002	CCQ2021C		222		6.7	4.6	5.4	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
27	2120210080	HOÀNG ANH	21/06/2002	CCQ2021C		111		7.1	4.2	5.4	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
28	2120210098	NGUYỄN THỊ KIỀU	06/10/2002	CCQ2021A		333		7.4	3.0	4.8	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
29	2120210094	LƯƠNG THẾ	04/10/2002	CCQ2021C		444		6.7	2.8	4.4	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
30	2120210104	PHẠM HỒNG	18/07/2000	CCQ2021C		222		8.6	6.4	7.3	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
31	2120210033	VÕ THỊ LAM	11/08/2002	CCQ2021A		111		8.0	6.2	6.9	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
32	2120210069	HUỖNH THỊ HÀM	08/11/2000	CCQ2021B		333		7.5	6.0	6.6	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
33	2120210070	NGUYỄN THỊ	07/07/2002	CCQ2021B		444		8.3	7.0	7.5	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9